BSC

Thứ sáu, ngày 10 tháng 1 năm 2020

Vietnam Daily Review

Duy trì đà tăng

Tổng quan

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 13/1/2020		•	
Tuần 13/1-17/1/2020		•	
Tháng 1/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Việc lấy lại được mốc 960 điểm trong phiên hôm qua đã có tác động tích cực tới tâm lí thị trường. Trong phiên giao dịch 10/01, VN-Index vận động tích cực trên mốc tham chiếu trong cả hai phiên sáng và chiều. Các cổ phiếu bluechips như BID, CTG, SAB, VCB, VHM là các động lực chính nâng đỡ thị trường. Ngoài ra, lực mua ròng của khối ngoại kể cả khi đã loại trừ giao dịch đột biến cũng góp phần hỗ trợ đà tăng của chỉ số. Như vậy, với hai phiên tăng điểm cuối tuần, VN-Index đang lấy lại được vùng giá trọng tâm 968 điểm theo như báo cáo tuần của chúng tôi.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trong phiên hôm nay thuận theo trạng thái tăng chung của chỉ số. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp canh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 865 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 10/1/2020, chứng quyền và chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về trạng thái. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ so với phiên hôm trước.

Danh mục i-Invest: Theme_Cổ phiếu đầu ngành tài chính _1.9%. 17/20 danh mục Chủ đề có hiệu suất khả quan. Đặc biệt, danh mục **Cổ phiếu đầu ngành tài chính** - bao gồm các cổ phiếu đầu ngành tài chính (Ngân hàng, Bảo hiểm và Dịch vụ tài chính) về vốn hóa, thanh khoản và quy mô hoạt động - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng 1.9%, con số này của VNINDEX là 0.9%.

Phân tích kỹ thuật: SHB_Mô hình hai đáy (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Điểm nhấn

• VN-Index +8.39 điểm, đóng cửa 968.54. HNX-Index +0.97 điểm, đóng cửa 102.22.
• Kéo chỉ số tăng: BID (+1.98); CTG (+1.24); SAB (+1.24); VHM (+1.15); VCB (+0.86).
• Kéo chỉ số giảm: PLX (-0.17); MSN (-0.17); ROS (-0.14); PGD (-0.08); BHN (-0.06).
• Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 2,977 tỷ đồng, +30.2% so với phiên hôm trước.
• Biên độ dao động là 8.54 điểm. Thị trường có 163 mã tăng, 50 mã tham chiếu và 162 mã giảm.
• Giá trị mua ròng của khối ngoại: 1072.40 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm PGD (1020.80 tỷ), CTG (55.08 tỷ) và HPG (21.11 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị 6.23 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng
Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường
Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn
Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn
Đặng Hà My
mydh@bsc.com.vn
Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest
Lương Minh Hiển
hienlm@bsc.com.vn
Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **968.54**
Giá trị: 2977.44 tỷ 8.39 (0.87%)
Khối ngoại (ròng): 1072.4 tỷ

HNX-INDEX **102.22**
Giá trị: 309.33 tỷ 0.97 (0.96%)
Khối ngoại (ròng): -1.86 tỷ

UPCOM-INDEX **55.56**
Giá trị: 157.72 tỷ 0.38 (0.69%)
Khối ngoại(ròng): 8.42 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	59.5	-0.17%
Giá vàng	1,552	-0.04%
Tỷ giá USD/VND	23,175	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,736	0.04%
Tỷ giá JPY/VND	21,151	-0.04%
LS liên NH 1 tháng	3.4%	3.55%
LS TPCP 5 năm	1.9%	1.35%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
PGD	1020.8	VCB	59.9
CTG	55.1	KDC	25.6
HPG	26.6	AGG	21.6
VNM	21.5	PDR	5.3
HDB	10.6	HCM	4.9

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Câu chuyện cuối tuần	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

BSC RESEARCH
1/10/2020
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday

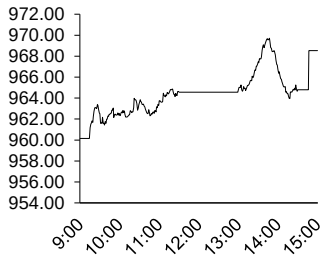

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday

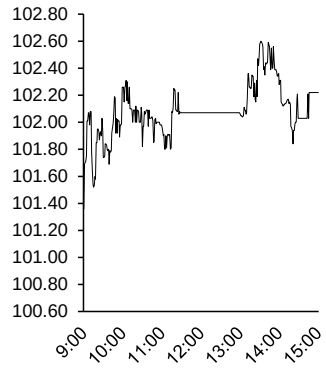

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1
Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bảo hiểm	2.1%
Ngân hàng	2.1%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.3%
Dịch vụ tài chính	1.0%
Thực phẩm và đồ uống	0.7%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.5%
Tài nguyên Cơ bản	0.5%
Bán lẻ	0.4%
Bất động sản	0.4%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.2%
Du lịch và Giải trí	0.1%
Viễn thông	0.0%
Ô tô và phụ tùng	-0.1%
Công nghệ Thông tin	-0.2%
Hóa chất	-0.3%
Xây dựng và Vật liệu	-0.4%
Truyền thông	-0.5%
Y tế	-0.7%
Dầu khí	-0.8%

Nguồn: FiinPro

Sử dụng i-Invest tại đây Link ***Hướng dẫn sử dụng*** Link
Bản công bố rủi ro Link ***Video giới thiệu danh mục Chủ đề*** Link

* **17/20 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Cổ phiếu đầu ngành tài chính** - bao gồm các cổ phiếu đầu ngành tài chính (Ngân hàng, Bảo hiểm và Dịch vụ tài chính) về vốn hóa, thanh khoản và quy mô hoạt động - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng 1.9%, con số này của VNINDEX là 0.9%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:
- **17/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **khả quan**
- **7/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ phiếu đầu ngành tài chính_1.9%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	1.9%	1.9%	5.0%	-1.0%	7.3%	17.6%	53.5%	19.5%
VN FinSelect	1.8%	1.5%	4.3%	-1.7%	5.1%	14.5%	43.5%	18.1%
Ngân hàng	1.7%	2.0%	7.1%	1.4%	13.2%	27.2%	93.2%	22.2%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.2%	0.5%	-0.1%	-6.9%	-0.7%	8.6%	57.9%	14.4%
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.1%	-0.4%	-1.3%	-7.2%	-14.5%	-7.1%	42.2%	21.4%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.9%	-0.4%	0.8%	-2.8%	10.3%	32.9%	120.6%	18.9%
VN Diamond	0.9%	-0.1%	1.5%	-4.3%	9.1%	20.8%	71.9%	16.9%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.9%	-0.3%	0.9%	-4.3%	7.9%	20.5%	76.4%	17.2%
Vật liệu Xây dựng	0.6%	-0.7%	-3.2%	-3.1%	-2.8%	11.9%	6.1%	18.6%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.6%	-0.1%	0.0%	-3.2%	5.5%	20.1%	84.9%	15.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.5%	-0.3%	-1.0%	-3.0%	-1.6%	9.6%	78.6%	13.8%
FTSE Việt Nam	0.5%	-0.3%	-1.2%	-1.8%	0.4%	11.1%	87.6%	14.9%
Hàng tiêu dùng	0.5%	-0.9%	-1.4%	-10.5%	-5.1%	4.1%	57.3%	17.2%
Chiến tranh thương mại	0.4%	-1.7%	-2.4%	-7.2%	-12.4%	5.5%	9.6%	15.5%
Nước & Năng lượng	0.3%	-1.4%	-3.8%	-6.6%	-9.5%	6.8%	43.2%	14.3%
Xây dựng	0.3%	-3.1%	-4.4%	-17.2%	-17.6%	-11.2%	16.7%	18.1%
BĐS & Khu công nghiệp	0.0%	-2.0%	-2.4%	-4.9%	-3.4%	7.8%	56.9%	16.3%
Lãi suất giảm	-0.2%	-1.5%	-1.8%	-8.5%	-9.2%	2.5%	47.8%	17.9%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.7%	-1.7%	-3.2%	0.0%	-6.4%	16.1%	44.9%	14.4%
Dầu khí	-0.9%	-1.5%	-1.2%	-7.7%	-13.7%	3.1%	19.1%	22.8%
Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 11	1.2%	1.9%	1.6%	-8.0%	-3.4%	16.3%	78.7%	19.0%
Danh mục 15	1.1%	-0.8%	-0.5%	-6.2%	-1.7%	6.9%	60.6%	17.8%
Danh mục 14	0.9%	-1.3%	-1.8%	-6.1%	-0.3%	11.5%	48.1%	17.1%
Danh mục 13	0.2%	-1.2%	0.8%	-4.4%	-0.2%	9.0%	42.1%	15.9%
Danh mục 7	-0.3%	-2.3%	-4.1%	-8.0%	-5.3%	3.4%	40.5%	15.4%
*** Note**	**17/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **khả quan**							
Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 20	0.7%	-0.3%	0.7%	-2.5%	5.6%	18.3%	61.8%	16.6%
Danh mục 21	0.5%	-0.2%	0.2%	-4.5%	5.4%	20.6%	62.1%	15.6%
Danh mục 22	0.4%	-0.6%	-0.4%	-4.2%	4.8%	23.0%	67.1%	16.3%
Danh mục 25	0.3%	0.0%	-1.9%	-7.6%	2.7%	27.7%	125.3%	17.8%
Danh mục 23	0.1%	-1.1%	-5.7%	-9.3%	-8.2%	15.6%	86.7%	18.8%
*** Note**	**7/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **khả quan**							
INDEX								
VNINDEX	0.9%	0.4%	0.7%	-2.5%	-1.4%	9.1%	45.7%	15.4%
VN30INDEX	0.9%	0.3%	0.8%	-3.9%	0.5%	4.7%	41.2%	15.7%

***Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link: https://invest.bsc.com.vn/#/login**
***Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.**

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

SHB_Mô hình hai đáy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: SHB đang trong quá trình tăng trở lại sau khi đã tạo nền giá khá vững tại ngưỡng 6. Thanh khoản cổ phiếu trong phiên hôm nay tăng cao đã đẩy giá cổ phiếu vượt qua ngưỡng kháng cự 6.8 để chính thức xác lập mô hình hai đáy đồng thời đóng cửa ở mức trần. Các chỉ báo kỹ thuật cũng đều đang ở trong trạng thái tích cực. Mặt khác, chỉ báo động lượng RSI đã đi vào vùng quá mua nhưng với đà hưng phấn hiện tại thì chưa chắc đã xảy ra sự điều chỉnh trong ngắn hạn. Theo đánh giá của chúng tôi, SHB có thể trở lại vùng giá 8 trong thời gian tới và nếu vượt qua được mốc này thì cổ phiếu tiềm năng thiết lập một chu kỳ tăng dài hạn.

Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_ Hồi phục Link
VPB_ Hồi phục Link
HPG_Tăng giá Link
NVL_ Tăng giá Link
FPT_ Xu hướng hồi phục Link

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 10/1/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 10/1	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	59.49	-0.13%	-3.22%	-0.17%	12.27%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	65.31	0.79%	-1.86%	1.39%	5.42%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.66	-0.25%	-3.39%	0.79%	15.84%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1553.30	-0.34%	1.19%	5.61%	20.23%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.94	-1.39%	-1.17%	6.84%	14.45%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	940.05	-0.68%	-1.63%	4.78%	5.13%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	563.64	1.82%	-0.13%	4.60%	9.12%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.93	-0.41%	-0.76%	-12.87%	20.24%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	176.50	-0.45%	0.17%	-0.11%	-3.71%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	13.68	1.56%	3.58%	1.04%	7.34%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	2.80	12.00%	12.00%	-10.54%	-5.41%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	119.55	0.34%	-5.94%	-9.47%	14.68%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.80	-0.06%	-0.45%	2.07%	6.08%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3766.00	0.13%	0.64%	-5.85%	3.46%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1800.50	-0.85%	-0.22%	2.48%	-3.25%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	95.00	0.53%	3.26%	4.40%	28.38%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	69.23	-0.32%	-0.65%	1.33%	-29.08%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Chốt phiên 9/1 dầu Brent kỳ hạn tháng 3/2020 giảm 5 US cent xuống 65.37 USD/thùng, dầu Tây Texas WTI giảm 7 US cent xuống 59.56 USD/thùng.
• Giá dầu giảm tiếp sau khi giảm mạnh trong phiên trước đó, do thị trường này chuyển tập trung từ những lo sợ về xung đột Mỹ và Iran leo thang sang dự trữ dầu thô của Mỹ tăng. Giá dầu đang quay trở lại mốc trước cuộc tấn công của Mỹ bằng máy bay không người lái ngày 3/1.
• Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ cho biết dự trữ dầu thô của Mỹ tăng 1.2 triệu thùng trong tuần kết thúc vào ngày 3/1 lên 431.1 triệu thùng, trong khi giới phân tích dự đoán giảm 3,6 triệu thùng.

Giá vàng

• Vàng giao ngay giảm 0.2% xuống 1,552.28 USD/ounce, trước đó đã giảm xuống 1,539.78 USD/ounce. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 2/2020 đóng cửa giảm 0.4% xuống 1,554.3 USD/ounce.
• Giá vàng tiếp tục giảm từ mức đỉnh gần 7 năm trong phiên trước do căng thẳng giữa Mỹ và Iran dịu đi sau khi xung đột. Nhu cầu với tài sản an toàn giảm đi phản ánh trong số lượng vàng quỹ tín thác SPDR Gold Trust nắm giữ đã giảm 1.05% xuống 886.81 tấn.

Giá sắt thép

• Giá quặng sắt Đại Liên đóng cửa tại 657 CNY/tấn, trong phiên có lúc giá giảm khoảng 3.1% xuống 656 CNY (94.72 USD)/tấn. Thép cây dùng trong xây dựng trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải giảm 1.3% xuống 3,555 CNY/tấn. Thép cuộn cán nóng giảm 1.2% xuống 3,585 CNY/tấn.
• Quặng sắt kỳ hạn của Trung Quốc giảm trong phiên từ mức cao hơn 5 tháng trong phiên trước, do lo ngại về nguồn cung dịu đi. Áp lực giảm giá hơn nữa là xuất khẩu quặng sắt sang Trung Quốc từ cảng Hedland của Australia – cảng quặng sắt lớn nhất thế giới, tăng hơn 12% trong tháng 12/2019 so với tháng liền trước.

Giá cao su

• Hợp đồng cao su TOCOM kỳ hạn tháng 6/2020 đóng cửa giảm 1.6 JPY xuống 201 JPY (1.84 USD)/kg. Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải giảm 200 CNY xuống 12,965 CNY (1,870 USD)/tấn. Cao su TSR 20 đã giảm 155 CNY xuống 10,705 CNY/tấn.
• Giá cao su trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo giảm do giá dầu từ bỏ mức tăng từ những phiên trước bởi những dấu hiệu Mỹ và Iran đều muốn giảm leo thang xung đột quân sự.

Giá nông sản

• Cà phê arabia kỳ hạn tháng 3/2020 đóng cửa giảm 1.8 US cent hay 1.5% xuống 1.1735 USD/lb, mức thấp nhất 1.5 tháng. Tại Việt Nam giá cà phê giảm trong tuần này phù hợp với giá tại London, nhưng hoạt động giao dịch bắt đầu phục hồi tại Indonesia.
• Đường thô kỳ hạn tháng 3/2019 chốt phiên tăng 24 US cent hay 1.8% lên 13.71 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 3/2020 tăng 6.1 USD hay 1.7% lên 367.4 USD/tấn.

3 CHÀNG TRAI VÀ CÂY TÁO

Chuyện kể rằng, ở làng quê nọ có 3 chàng trai mang theo bao nhiêu hoài bão cùng nhau tính kế rời làng đi tìm kiếm cơ hội làm ăn.

Cả 3 đồng hành cùng nhau trên những quãng đường dài. Một lần nọ, tình cờ nghỉ chân ở một thị trấn nhỏ ven rừng, cả 3 chàng trai phát hiện ra nơi đây có một giống táo rất ngon, quả mọng đỏ, và đặc biệt là người dân ở đây rất nhiều nhà trồng nên giá bán rất rẻ.

Bẵng đi 10 năm trôi qua, anh chàng thứ nhất nay đã có biệt thự xe hơi, công việc làm ăn khấm khá, nhưng công việc làm ăn không còn được khuếch trương như trước do nguồn hàng không ổn định, có sự cạnh tranh nên giá cả tăng cao…

Người thứ 2 đã sớm có vườn táo của riêng mình. Sang năm thứ 3 anh đã có thể tự thu hoạch táo và bán. Nhưng chỉ được mấy năm, số táo đó trồng trên đất không phù hợp nên táo của anh ngày càng kém chất lượng, quả không còn ngọt và mọng đỏ như trước. Anh mất đi những hợp đồng lớn, chỉ còn tiêu thụ lượng nhỏ quanh vùng.

Người thứ 3 sau những miệt mài nghiên cứu đầu tư, đến năm thứ 5 bắt đầu cho thành quả. Táo của anh được trồng trên đất phù hợp, cho quả ngọt và chín đỏ như ở làng kia. Lái buôn thi nhau đến chỗ anh mua hàng.

Khởi nghiệp có đôi lúc sẽ gặp rất nhiều khó khăn, thử thách, nếu kiên nhẫn trải qua bạn mới có thể đi đến cùng. ***Thành công là cả một quá trình. Chỉ là bạn đi con đường nào để hoàn thành quá trình này thôi.***

BSC

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday

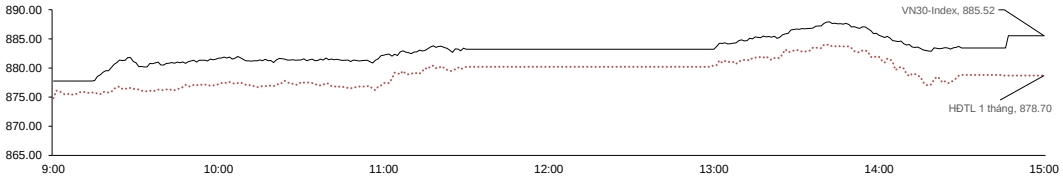

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2001	878.70	0.45%	-6.82	9.3%	82465	1/16/2020	6
VN30F2002	880.00	0.53%	-5.52	26.7%	365	2/20/2020	41
VN30F2003	883.50	0.51%	-2.02	69.2%	88	3/19/2020	69
VN30F2006	887.80	0.70%	2.28	-13.3%	39	6/18/2020	160

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
STB	10.50	3.45	0.87
EIB	18.00	3.15	0.79
VPB	21.05	1.45	0.70
MBB	21.40	1.66	0.67
SAB	233.50	2.86	0.63

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
MSN	56.5	-0.88	-0.32
ROS	12.2	-6.90	-0.28
FPT	57.5	-0.17	-0.08
DPM	12.8	-1.92	-0.05
VRE	34.0	-0.15	-0.03

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng 7.76 điểm lên mức 885.52 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như EIB, STB, HPG, MBB và VPB tác động mạnh đến trạng thái tăng của VN30. Chỉ số VN30 tăng từ đầu phiên sáng và duy trì trạng thái tích cực đến cuối phiên chiều. VN30 có thể sẽ tiếp cận lại ngưỡng 890 trong tuần sau.

• Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trong phiên hôm nay thuận theo trạng thái tăng chung của chỉ số. Xét về khối lượng giao dịch, hầu hết các hợp đồng đều giảm, trừ VN30F2006. Bên cạnh đó, chỉ duy nhất VN30F2002 tăng về vị thế mở, còn các hợp đồng còn lại đều giảm. Điều này báo hiệu những diễn biến khó lường của thị trường phái sinh trong thời gian tới. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp canh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 865 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CMBB1904	SSI	1/22/2020	12	1:1	45,530	-68.2%	2.0 triệu	17.97%	2,900	610	27.08%	84.80	7.19
CTCB1901	MBS	1/17/2020	7	2:1	23,070	-62.8%	2.0 triệu	21.50%	1,680	220	22.22%	71.50	3.08
CMBB1903	SSI	4/22/2020	103	1:1	111,400	302.9%	3.0 triệu	17.97%	4,000	2,010	11.05%	676.10	2.97
CVPB1901	VND	3/5/2020	55	1:1	208,900	58.4%	2.0 triệu	20.84%	3,500	3,990	9.62%	3,190.90	1.25
CMBB1905	HSC	4/8/2020	89	2:1	128,570	46.4%	5.0 triệu	17.97%	1,700	770	8.45%	144.10	5.34
CTCB1902	VND	6/5/2020	147	1:1	135,330	33.0%	2.0 triệu	21.50%	5,300	4,070	7.96%	2,872.50	1.42
CHPG1908	MBS	1/22/2020	12	2:1	200,340	39.2%	2.0 triệu	24.70%	1,450	1,940	7.78%	1,866.00	1.04
CVHM1902	SSI	4/22/2020	103	1:1	11,140	-17.2%	1.0 triệu	21.78%	18,600	9,370	7.58%	4,207.60	2.23
CHPG1909	KIS	5/15/2020	126	2:1	184,600	1930.8%	5.0 triệu	24.70%	1,800	1,420	6.77%	681.60	2.08
CPNJ1902	MBS	1/22/2020	12	5:1	139,430	-10.9%	1.5 triệu	22.06%	2,220	1,780	5.95%	1,925.00	0.92
CVIC1903	KIS	5/15/2020	126	10:1	80,910	62138.5%	4.0 triệu	14.72%	1,430	1,300	4.00%	169.60	7.67
CVIC1902	SSI	4/22/2020	103	1:1	4,860	-46.6%	1.0 triệu	14.72%	22,700	13,040	1.95%	4,264.70	3.06
CHPG1907	SSI	4/22/2020	103	1:1	71,070	-2.6%	1.0 triệu	24.70%	4,200	4,760	1.93%	3,650.00	1.30
CMSN1902	KIS	5/15/2020	126	5:1	75,240	-6.9%	2.0 triệu	26.67%	1,640	840	0.00%	20.30	41.38
CVNM1905	MBS	4/28/2020	109	10:1	54,440	111.9%	1.5 triệu	17.87%	2,500	1,140	0.00%	230.40	4.95
CVJC1902	SSI	4/22/2020	103	1:1	4,680	-15.1%	1.0 triệu	13.94%	27,900	26,170	-0.11%	18,088.10	1.45
CVNM1903	SSI	4/22/2020	103	1:1	15,770	14.3%	1.0 triệu	17.87%	26,600	14,230	-0.14%	4,745.00	3.00
CVNM1906	VND	3/5/2020	55	2:1	72,420	114.5%	1.0 triệu	17.87%	8,100	5,300	-0.56%	3,059.50	1.73
CREE1903	SSI	4/22/2020	103	1:1	11,950	-31.4%	1.0 triệu	22.65%	7,600	4,170	-1.18%	1,799.50	2.32
CFPT1908	MBS	6/17/2020	159	3:1	54,920	-7.7%	2.4 triệu	21.19%	3,150	3,050	-1.61%	1,970.50	1.55
CFPT1905	SSI	4/22/2020	103	1:1	13,470	-44.5%	1.0 triệu	21.19%	9,900	6,750	-2.17%	4,448.10	1.52
CREE1902	SSI	1/22/2020	12	1:1	53,600	50.9%	1.0 triệu	22.65%	5,600	1,120	-5.08%	473.00	2.37
CREE1905	MBS	6/17/2020	159	3:1	10,720	-81.4%	2.4 triệu	22.65%	2,150	1,760	-11.11%	1,033.80	1.70
CGMD1901	MBS	4/28/2020	109	3:1	27,990	-38.5%	1.5 triệu	19.36%	1,680	450	-13.46%	66.10	6.81
		Tổng:			1,740,350		38.30 triệu	20.38%**					

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMBB1904	24,900	22,000	21,400
CTCB1901	26,860	23,500	23,150
CMBB1903	26,000	22,000	21,400
CVPB1901	21,500	18,000	21,050
CMBB1905	26,400	23,000	21,400
CTCB1902	26,300	21,000	23,150
CHPG1908	23,400	20,500	24,200
CVHM1902	103,600	85,000	84,500
CHPG1909	28,280	24,680	24,200
CPNJ1902	90,100	79,000	88,500
CVIC1903	137,300	123,000	114,800
CVIC1902	137,700	115,000	114,800
CHPG1907	25,200	21,000	24,200
CMSN1902	86,089	77,889	56,500
CVNM1905	150,725	125,725	118,900
CVJC1902	157,900	130,000	146,200
CVNM1903	145,580	118,980	118,900
CVNM1906	130,225	114,025	118,900
CREE1903	43,600	36,000	35,700
CFPT1908	64,500	54,000	57,500
CFPT1905	64,900	55,000	57,500
CREE1902	41,600	36,000	35,700
CREE1905	41,050	34,600	35,700
CGMD1901	29,682	24,928	22,000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chú thích: ***Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất***
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
*****Trung bình độ lệch chuẩn***
CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
****Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes***

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 10/1/2020, chứng quyền và chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về trạng thái. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ so với phiên hôm trước.

• Về giá, CMBB1904 và CTCB1901 tăng mạnh nhất lần lượt là 27.08% và 22.22%, ở chiều hướng ngược lại, CGMD1901 và CREE1905 giảm mạnh nhất lần lượt là 13.46% và 11.11%. Thanh khoản thị trường giảm 5.83%. CVPB1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.12% thị trường.

• Ngoại trừ CPNJ1902 và CVJC1901, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVJC1902 và CHPG1907 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG1908 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	115.1	0.5%	0.8	2,268	2.1	8,321	13.8	4.5	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	88.5	2.7%	1.0	866	6.4	4,839	18.3	4.8	49.2%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	67.0	2.9%	1.3	2,162	0.4	1,889	35.5	3.0	29.5%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	32.0	0.0%	0.7	322	0.2	2,801	11.4	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	114.8	0.1%	1.0	16,883	0.8	1,589	72.2	4.9	14.8%	7.8%
VRE	Bất động sản	34.0	-0.1%	1.1	3,354	0.8	1,033	32.9	2.8	32.9%	8.8%
NVL	Bất động sản	55.8	0.4%	0.8	2,352	0.6	3,187	17.5	2.5	7.0%	15.5%
REE	Bất động sản	35.7	0.0%	1.0	481	0.7	5,614	6.4	1.1	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	13.4	-1.1%	1.4	305	0.4	3,215	4.2	0.8	45.5%	25.9%
SSI	Chứng khoán	18.3	1.9%	1.4	404	1.6	1,769	10.3	1.0	55.0%	9.4%
VCI	Chứng khoán	28.8	-0.3%	1.0	206	0.0	5,067	5.7	1.3	36.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	21.0	1.2%	1.5	279	1.2	1,287	16.3	1.5	56.7%	10.2%
FPT	Công nghệ	57.5	-0.2%	0.9	1,696	2.5	4,688	12.3	2.9	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	42.0	0.0%	0.4	454	0.0	4,156	10.1	2.5	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	95.9	0.7%	1.7	7,980	0.7	5,886	16.3	4.0	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	55.7	-0.9%	1.5	2,884	0.3	3,467	16.1	3.0	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	18.4	-0.5%	1.6	382	1.7	2,062	8.9	0.7	21.5%	8.5%
BSR	Dầu khí	7.7	-2.5%	0.8	1,038	0.7	1,163	6.6	0.8	41.1%	11.0%
DHG	Dược	88.0	-1.1%	0.5	500	0.2	4,535	19.4	3.6	54.5%	19.4%
DPM	Hóa chất	12.8	-1.9%	0.8	217	0.1	650	19.6	0.6	18.8%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.0	0.3%	0.7	138	0.0	625	9.6	0.5	2.4%	5.5%
VCB	Ngân hàng	89.5	0.9%	1.3	14,432	5.9	5,274	17.0	4.1	23.9%	27.1%
BID	Ngân hàng	51.3	3.3%	1.6	8,971	3.3	2,109	24.3	3.1	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	23.6	4.9%	1.6	3,812	14.8	1,641	14.3	1.2	29.6%	8.5%
VPB	Ngân hàng	21.1	1.4%	1.2	2,231	2.8	3,341	6.3	1.3	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	21.4	1.7%	1.2	2,164	8.0	3,261	6.6	1.3	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	22.7	1.3%	1.1	1,635	2.3	3,585	6.3	1.5	30.0%	25.9%
BMP	Nhựa	45.8	1.8%	0.8	163	0.1	5,073	9.0	1.5	80.5%	16.5%
NTP	Nhựa	30.9	0.7%	0.3	132	0.0	4,603	6.7	1.1	20.4%	17.8%
MSR	Tài nguyên	15.0	0.7%	1.3	645	0.0	732	20.5	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	24.2	0.8%	1.0	2,905	10.6	2,526	9.6	1.5	38.3%	17.4%
HSG	Thép	8.1	0.0%	1.6	149	1.3	890	9.1	0.6	17.7%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	118.9	0.3%	0.7	9,002	3.1	5,527	21.5	7.6	58.7%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	233.5	2.9%	0.8	6,510	0.6	7,365	31.7	8.4	63.3%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	56.5	-0.9%	1.2	2,872	1.3	4,512	12.5	2.0	39.1%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.7	0.0%	0.6	477	1.2	440	42.5	1.5	6.3%	3.5%
ACV	Vận tải	72.9	-0.4%	0.8	6,900	0.2	2,630	27.7	5.2	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	146.2	0.0%	1.1	3,330	3.1	9,850	14.8	5.6	19.6%	43.3%
HVN	Vận tải	32.6	0.0%	1.7	2,010	0.2	1,747	18.7	2.6	10.1%	13.4%
GMD	Vận tải	22.0	1.4%	0.8	284	0.6	1,949	11.3	1.0	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	15.7	-1.6%	0.6	192	0.5	2,571	6.1	1.1	31.9%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	66.0	-1.9%	1.0	459	0.6	8,338	7.9	3.3	2.2%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.1	-0.8%	0.7	352	0.1	1,398	12.9	1.3	13.4%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.6	1.0%	0.8	241	0.1	1,912	7.6	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	49.6	-1.3%	0.8	164	0.6	9,842	5.0	0.5	47.4%	9.3%
VCG	Xây dựng	25.6	0.8%	1.1	492	0.1	1,557	16.4	1.7	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	23.8	3.9%	0.4	256	0.9	1,845	12.9	1.1	51.0%	8.8%
POW	Điện	11.1	1.8%	0.6	1,130	0.7	820	13.5	1.1	13.7%	7.8%
NT2	Điện	19.0	-4.0%	0.6	238	0.2	2,721	7.0	1.3	18.6%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	51.30	3.32	1.93	1.51MLN
SAB	233.50	2.86	1.21	55770.00
CTG	23.55	4.90	1.19	14.70MLN
VHM	84.50	1.44	1.17	699780.00
VCB	89.50	0.90	0.86	1.53MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	7.10	9.23	0.67	12.07MLN
ACB	22.70	1.34	0.49	2.37MLN
SHS	7.60	2.70	0.03	577900.00
TVC	20.00	3.09	0.02	216800.00
IDJ	7.50	8.70	0.02	261500.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PLX	55.70	-0.89	-0.19	135340.00
MSN	56.50	-0.88	-0.17	524930.00
ROS	12.15	-6.90	-0.15	4.89MLN
PGD	50.20	-6.86	-0.10	5980.00
BHN	74.00	-1.33	-0.07	3540.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCS	66.00	-1.93	-0.04	197200.00
NVB	9.20	-1.08	-0.04	1.71MLN
NDN	15.60	-4.29	-0.03	716700.00
L14	60.00	-3.23	-0.03	42900.00
PVS	18.40	-0.54	-0.03	2.13MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VPS	11.60	6.91	0.01	10.00
NAV	16.25	6.91	0.00	10.00
AGF	4.50	6.89	0.00	44910.00
GAB	22.65	6.84	0.01	147420.00
DIC	2.21	6.76	0.00	595110.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.30	50.0	0.00	9500.00
KVC	1.10	10.0	0.01	296700.00
API	11.30	9.7	0.01	100.00
PSC	16.30	9.4	0.00	100.00
HTP	11.80	9.3	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TNC	16.65	-6.98	-0.01	10.00
HAI	2.68	-6.94	-0.01	5.43MLN
PTL	3.64	-6.91	-0.01	39800.00
DXV	3.24	-6.90	0.00	10.00
ROS	12.15	-6.90	-0.15	4.89MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.40	-20.00	0.00	15400.00
DST	0.80	-11.11	0.00	222000.00
SPI	0.80	-11.11	0.00	56900.00
APP	6.30	-10.00	0.00	4000.00
FID	0.90	-10.00	0.00	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

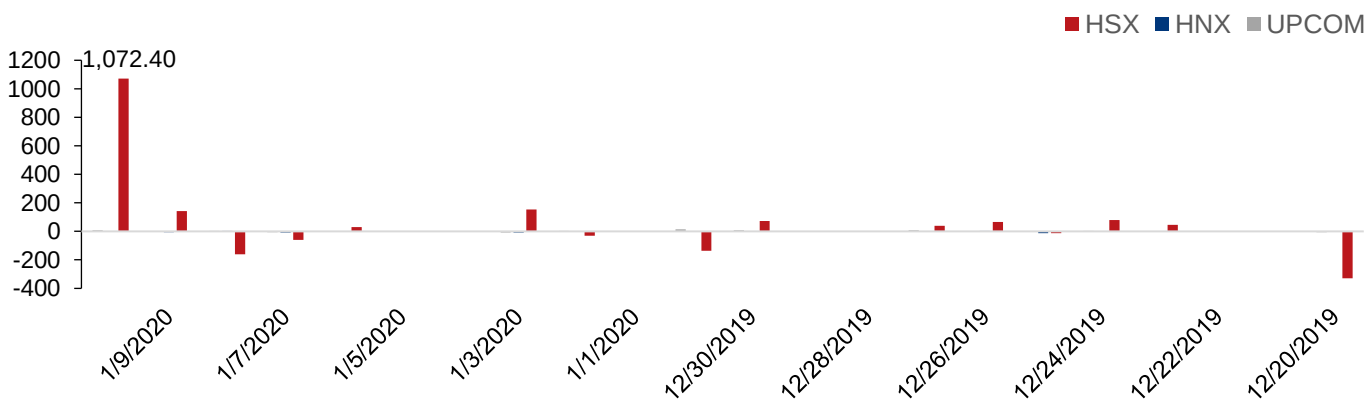

Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
7	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi	Phân tích vĩ mô		Click
13	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
14	2019M2_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
15	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
16	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
20	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	26.9	5,020	5.4	1.2	Click
2	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	88.5	4,839	18.3	4.8	Click
3	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	15.7	2,571	6.1	1.1	Click
4	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	162.0	29,035	5.6	4.4	Click
5	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	113.2	171.4	15.2	0	14.2	0.5	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	22.8	27.8	115.1	8,321	13.8	4.5	Click
7	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	22.7	3,585	6.3	1.5	Click
8	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	12.1	2,692	4.5	0.7	Click
9	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	125.1	162.5	23.2	2,660	8.7	1.4	Click
10	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	84.5	121.0	115.0	6,216	18.5	7.0	Click
11	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	34.8	42.3	89.5	5,274	17.0	4.1	Click
12	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	29.8	9,530	3.1	1.6	Click
13	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	25.5	30.8	57.5	4,688	12.3	2.9	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	20.0	29.1	23.3	3,491	6.7	1.1	Click
15	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	38.0	N/a	17.7	2,246	7.9	0.8	Click
16	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	78.5	82.7	33.0	3,678	9.0	0.6	Click
17	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	130.0	142.1	56.5	4,512	12.5	2.0	Click
18	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	22.3	26.0	118.9	5,527	21.5	7.6	Click
19	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	39.5	48.0	21.5	2,887	7.4	1.5	Click
20	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	79.0	93.5	35.7	5,614	6.4	1.1	Click

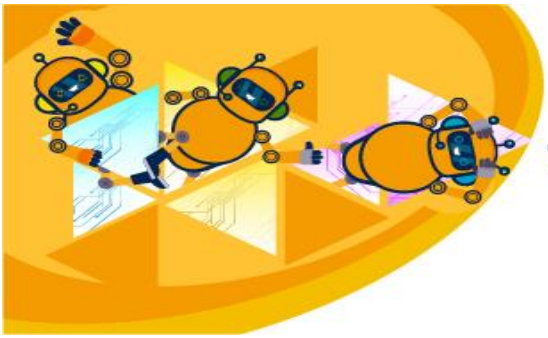

BSC iBROKER

TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.

Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị tường; tra cứu tin tức báo chí,...

Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.

Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.

Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây Link
Bản công bố rủi ro Link
Hướng dẫn sử dụng Link
Video hướng dẫn sử dụng Link

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish **15000** Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền -> nợ xấu)
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Khuyến nghị **MUA;** Giá mục tiêu **60500** BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giả định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giả định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express VIB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị **NẮM GIỮ**; Giá mục tiêu **19500;** Giá tại Publish **16700** Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp
Express BID 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị **THEO DÕI**; Giá tại Publish **40100** Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express VPB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị **MUA;** Giá mục tiêu **26514;** Giá tại Publish **19300** Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

http://www.bsc.com.vn

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với KHTC mời liên lạc:	***Chức vụ***	***Địa chỉ email***
Vũ Thanh Phong	Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC	phongvt@bsc.com.vn
Trần Thành Hưng	Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC	hungtt@bsc.com.vn
Nguyễn Hoàng Dương	Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC	duongnh@bsc.com.vn
Nguyễn Hoàng Nguyên	Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC	nguyennh@bsc.com.vn